SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
CỤM TRƯỜNG THPT
HOÀN KIẾM – HAI BÀ TRƯNG

(Đề thi có 4 trang)

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Mã đề thi 810

Câu 41. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là
A. Đắk Lắk. **B.** Gia Lai. **C.** Nghệ An. **D.** Quảng Nam.

Câu 42. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết than bùn có ở tỉnh nào sau đây?
A. Cần Thơ. **B.** Tiền Giang. **C.** Kiên Giang. **D.** Sóc Trăng.

Câu 43. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?
A. Hà Tĩnh. **B.** Quảng Trị. **C.** Quảng Bình. **D.** Nghệ An.

Câu 44. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là
A. điện lực. **B.** luyện kim. **C.** khai khoáng. **D.** đóng tàu.

Câu 45. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết ở Thiên Cầm có loại hình du lịch nào sau đây?
A. Vườn quốc gia. **B.** Du lịch biển. **C.** Thắng cảnh. **D.** Hang động.

Câu 46. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết từ Thái Nguyên lên Bắc Cạn đi qua quốc lộ nào sau đây?
A. 5. **B.** 6. **C.** 4B. **D.** 3.

Câu 47. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 3?
A. Buôn Mê Thuột **B.** An Khê. **C.** Đà Lạt. **D.** Pleiku.

Câu 48. Đông Nam Bộ có địa danh du lịch biển nổi tiếng là
A. Mũi Né. **B.** Vũng Tàu. **C.** Nha Trang. **D.** Cam Ranh.

Câu 49. Biện pháp để bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là
A. chống ô nhiễm đất mặn. **B.** mở rộng vườn quốc gia.
C. nuôi dưỡng rừng ngập mặn. **D.** xây công trình đê biển.

Câu 50. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?
A. Lạng Sơn. **B.** Điện Biên Phủ. **C.** Đồng Hới. **D.** Hà Nội.

Câu 51. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Cẩm Phả. **B.** Phúc Yên. **C.** Bắc Ninh. **D.** Hải Phòng.

Câu 52. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 *(Đơn vị: tỉ USD)*

Năm	2015	2018	2019	2020
Thái Lan	401,2	506,6	544,3	501,6
Việt Nam	239,4	281,3	334,3	346,6

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2020?
A. Thái Lan tăng và Việt Nam giảm. **B.** Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.
C. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan. **D.** Việt Nam tăng và Thái Lan giảm.

Câu 53. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cho biết cao nguyên nào sau đây cao nhất?

A. Di Linh. **B.** Mơ Nông. **C.** Lâm Viên. **D.** Kon Tum.

Câu 54. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

A. Hưng Yên. **B.** Hà Nội. **C.** Bắc Ninh. **D.** Hải Dương.

Câu 55. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?

A. Sông Mã. **B.** Sông Cả. **C.** Sông Thu Bồn. **D.** Sông Ba.

Câu 56. Công nghiệp luyện kim thuộc nhóm ngành

A. công nghiệp tiêu dùng. **B.** công nghiệp khai thác.

C. công nghiệp trọng điểm. **D.** công nghiệp chế biến.

Câu 57. Thiên tai bất thường và gây hậu quả nghiêm trọng ở nước ta là

A. bão biển. **B.** lũ quét. **C.** ngập lụt. **D.** hạn hán.

Câu 58. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc là

A. Na Dương. **B.** Phả Lại. **C.** Uông Bí. **D.** Ninh Bình.

Câu 59. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?

A. Quảng Ninh. **B.** Hà Giang. **C.** Lào Cai. **D.** Bắc Cạn.

Câu 60. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

A. Lạc, mía. **B.** Lạc, đậu tương. **C.** Mía, ngô. **D.** Thuốc lá, ngô.

Câu 61. Cho biểu đồ:

SỐ DÂN CỦA MI-AN-MA VÀ MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

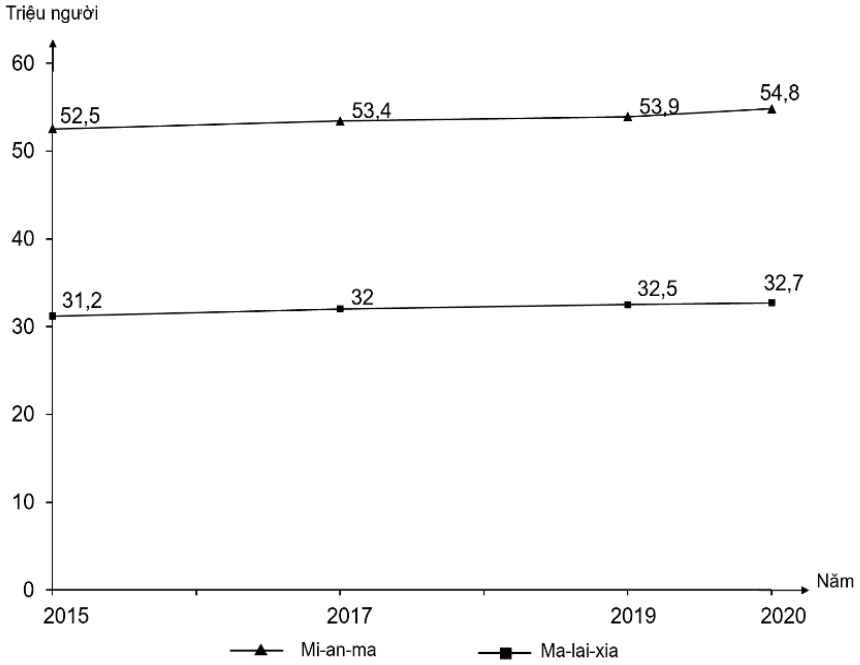

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về gia tăng dân số của hai quốc gia trên?

A. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a giảm, Mi-an-ma tăng.

C. Mi-an-ma tăng nhưng biến động nhẹ. **D.** Mi-an-ma giảm, Ma-lai-xi-a tăng.

Câu 62. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

A. Bạc Liêu. **B.** Trà Vinh. **C.** Bến Tre. **D.** Tiền Giang.

Câu 63. Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là
A. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng.
B. ứng dụng phổ biến công nghệ gen.
C. nguồn cung cấp thức ăn phong phú.
D. dịch vụ thú y ngày càng phát triển.
Câu 64. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng
A. khuyến khích đánh bắt xa bờ.
B. cấm khai thác thủy sản ven bờ.
C. chưa gắn với bảo vệ môi trường.
D. đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm.
Câu 65. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?
A. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu.
B. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển.
C. Tỉ trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất.
D. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế.
Câu 66. Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp
A. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng.
B. ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn.
C. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ.
D. có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.
Câu 67. Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay
A. chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại.
B. sử dụng ít giống cho năng suất cao.
C. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh.
D. trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.
Câu 68. Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có
A. tổng bức xạ lớn.
B. sông ngòi dày đặc.
C. khí hậu đa dạng.
D. khoáng sản phong phú.
Câu 69. Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?
A. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
B. Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất.
C. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.
D. Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.
Câu 70. Đô thị hóa ở nước ta hiện nay
A. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây.
B. thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.
C. tăng về số lượng và quy mô đô thị.
D. hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa.
Câu 71. Huế có lượng mưa lớn nhất cả nước chủ yếu do tác động kết hợp của
A. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
B. biển Đông, gió mùa, áp thấp nhiệt đới, độ cao địa hình.
C. vĩ độ, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình.
D. vị trí, độ cao địa hình, hướng núi, gió mùa hạ, dòng biển.
Câu 72. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh du lịch biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. thu hút đầu tư, tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, cải thiện đời sống.
B. thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác lợi thế tự nhiên, tạo động lực vùng.
C. tận dụng thế mạnh, tạo nhiều việc làm mới, đáp ứng nhu cầu du khách.
D. phát huy nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng vị thế vùng.
Câu 73. Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là
A. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.
B. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
C. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.
D. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.
Câu 74. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Số dân thành thị *(triệu người)*	30,9	31,9	33,8	35,9
Tỉ lệ dân thành thị *(%)*	33,5	33,8	35,0	36,8

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Tròn.

Câu 75. Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

A. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

B. đáp ứng xu thế hội nhập, nâng cao mức sống, tận dụng các nguồn lực.

C. tận dụng nguồn tài nguyên, đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.

D. khắc phục hạn chế, thay đổi phân công lao động, giải quyết việc làm.

Câu 76. Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.

B. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.

C. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.

D. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.

Câu 77. Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do

A. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.

B. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.

C. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng.

D. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.

Câu 78. Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

A. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.

B. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lí lao động, tăng giá trị nông sản.

C. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.

D. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.

Câu 79. Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là

A. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.

B. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.

C. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.

D. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.

Câu 80. Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2020

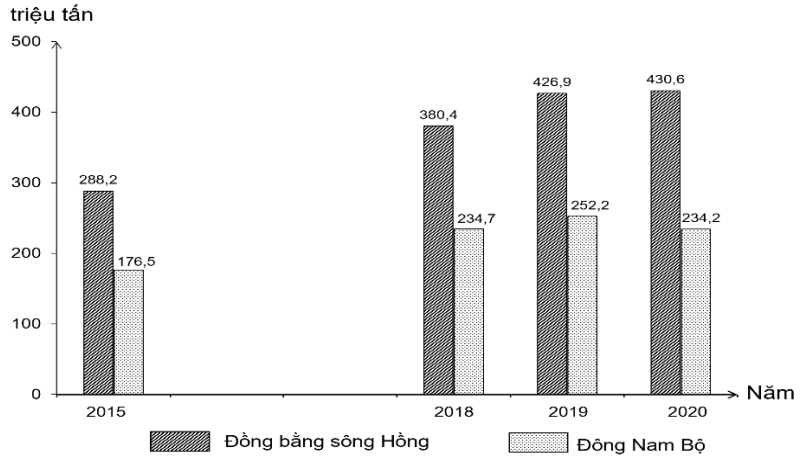

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng. **B.** Quy mô khối lượng.

C. Tốc độ tăng khối lượng. **D.** Cơ cấu khối lượng.

------ HẾT ------

Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.